

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17-6-2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Như T, sinh năm 1967 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Mai A, sinh năm 1967 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày: Ông và bà A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn từ năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện PL, tỉnh Sông Bé (cũ) nay là xã LH, huyện P, tỉnh Bình Phước, hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Lý do ông làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn với bà A là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, không tôn trọng, không quan tâm và thường xuyên xúc phạm lẫn nhau. Ông T không còn tình cảm với bà A, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho ông T được ly hôn với bà A.

Về con chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết (các con đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị Mai A trình bày: Bà A thừa nhận lời trình bày của ông T về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống của bà với ông T là đúng. Bà và ông T có đăng ký kết hôn năm 1993 như ông T đã trình bày, quá trình chung sống không được hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm, ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, hiện tại các con đều đã trưởng thành và bà A cũng không còn tình cảm với ông T, vì vậy bà A đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Như T, bà Phạm Thị Mai A có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận ông Nguyễn Như T và bà Phạm Thị Mai A là vợ chồng do chung sống với nhau không đăng ký kết hôn.

Về án phí: Ông Nguyễn Như T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai số 0002158 ngày 09/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Như T khởi kiện bà Phạm Thị Mai A về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Bon B, xã ĐT,

huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Như T và bà Phạm Thị Mai A đều khẳng định chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn từ năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện PL, tỉnh Sông Bé (Cũ), nay là xã LH, huyện P, tỉnh Bình Phước, tuy nhiên theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện P, tỉnh Bình Phước xác định ông T và bà A không đăng ký kết hôn vào thời điểm năm 1993 như ông bà đã trình bày. Quá trình chung sống ông T, bà A không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, sống thiếu trách nhiệm với nhau và với gia đình. Tình cảm dành cho nhau không còn, do đó ông T và bà A đều thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, do chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông T và bà A không hợp pháp và đều thống nhất quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, không công nhận ông T và bà A là vợ chồng.

[3] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức về nội dung vụ án có là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình 2000; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/UBTVQH10 ngày 09/6/2000; Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như T .

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Như T và bà Phạm Thị Mai A là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). ông Nguyễn Như T phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông T đã nộp theo biên lai số 0002158 ngày 09/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- STP tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THA huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu